

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền, bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa:
Bà Lý Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đưa ra xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 06/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn X, sinh năm 1956, trú tại: Thôn N, xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Tiểu khu XX, thị trấn M, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966, trú tại: Tiểu khu XX thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tạm trú: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn X trình bày:

Ông và bà Bùi Thị L không có quan hệ họ hàng chỉ là chỗ quen biết thân tình. Xuất phát từ đó nên khi bà Bùi Thị L hỏi ông vay tiền để làm ăn buôn bán nên ông đã cho bà L vay tổng số tiền 130.000.000 đồng, các lần vay cụ thể:

Ngày 01/11/2019, ông Phan Văn X chuyển 2.000.000 đồng vào số tài khoản 41210000202358 của bà Bùi Thị L; ngày 06/11/2019 chuyển vào tài khoản của bà

L số tiền 21.000.000 đồng; ngày 21/6/2020 chuyển vào tài khoản bà L số tiền 10.000.000 đồng; ngày 21/12/2020 chuyển vào tài khoản bà L số tiền 25.000.000 đồng. Ngoài ra các lần vay khác, ông chỉ ghi trong sổ không có chữ ký của bà Bùi Thị L, cụ thể: Ngày 02/5/2020 ông cho bà L vay số tiền 8.000.000 đồng; ngày 28/6/2020 ông cho bà L vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 02/7/2020 ông cho bà L vay số tiền 2.500.000 đồng; tháng 9/2020 ông cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 21/10/2020 ông cho bà L vay số tiền 9.500.000 đồng; tháng 10/2020 ông cho bà L vay số tiền 30.000.000 đồng.

Thời gian vay hai bên thống nhất khi nào bà Bùi Thị L làm ăn ổn định và ông cần tiền thì trả cho ông. Đến tháng 01 năm 2022 ông thường xuyên bị ốm đau, ông đã nhiều lần đòi tiền bà Bùi Thị L thì bà L khất lần không chịu trả tiền cho ông. Nên ông viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết buộc bà Bùi Thị L phải thanh toán cho ông tổng số tiền vay là 130.000.000 đồng. Về lãi suất ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà và ông Phan Văn X có quen biết nhau từ năm 1986 đến nay. Ngày 01/11/2019, ông Phan Văn X có chuyển vào số tài khoản 41210000202358 của bà số tiền 2.000.000đ; ngày 06/11/2019 chuyển vào tài khoản của bà 21.000.000 đồng; ngày 21/6/2020 chuyển vào tài khoản của bà 10.000.000 đồng; ngày 21/12/2020 chuyển vào tài khoản của bà 25.000.000 đồng, 04 lần chuyển với tổng số tiền 58.000.000 đồng là do ông Phan Văn X trả tiền vay bà trước đó để đầu tư chăn nuôi gà và lo công việc. Đối với số tiền 72.000.000 đồng ông Phan Văn X ghi nợ là vô lý vì bà không được vay và ký tên nên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Việc xác minh, thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 93, 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X. Buộc bà Bùi Thị L phải trả cho ông Phan Văn X số tiền 58.000.000đ. Ông X không yêu cầu bà Bùi Thị L phải trả tiền lãi và bồi thường dân sự.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Ông Phan Văn X phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận, nhưng ông X là người cao tuổi nên đề nghị miễn án phí cho ông Phan Văn X.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà Bùi Thị L, trú tại: thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu trả tiền vay thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hiệu khởi kiện phù hợp theo quy định tại Điều 157; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Bùi Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn

[2] Xét về nội dung vụ án:

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải các đương sự đều thừa nhận ông Phan Văn X đã chuyển vào tài khoản của bà Bùi Thị L 04 lần cụ thể: Ngày: 01/11/2019, ông Phan Văn X chuyển vào số tài khoản của bà Bùi Thị L 2.000.000 đồng; ngày 06/11/2019 chuyển khoản cho bà L số tiền 21.000.000 đồng; ngày 21/6/2020 chuyển vào tài khoản của bà L số tiền 10.000.000 đồng; ngày 21/12/2020 chuyển khoản cho bà L số tiền 25.000.000 đồng. Tổng các lần chuyển khoản là 58.000.000 đồng. Ngoài ra các lần vay khác ông Phan Văn X chỉ ghi nợ trong sổ nhưng không có chữ ký của bà Bùi Thị L với tổng số tiền 72.000.000 đồng, bà Bùi Thị L không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X và cho rằng ông X chuyển trả tiền để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án các đương sự đã cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Nguyên đơn cung cấp 04 giấy chuyển tiền đều là bản gốc; Tòa án đã yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị L cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc bà cho ông Phan Văn X vay tiền nhưng bị đơn Bùi Thị L không cung cấp được.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã có công văn gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La – Phòng giao dịch Nông trường Mộc Châu cung cấp thông tin về số tài khoản 41210000202358 mang tên ai?. Tại công văn phúc đáp số 126 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ngân hàng cung cấp số tài khoản 41210000202358 mang tên Bùi Thị L.

Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu căn cứ vào các chứng cứ của các đương sự cung cấp và tài liệu do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong các ngày: 01/11/2019, ông Phan Văn X chuyển vào tài khoản của bà Bùi Thị L 2.000.000 đồng; ngày 06/11/2019 chuyển khoản 21.000.000 đồng; ngày 21/6/2020 chuyển vào tài khoản của bà L 10.000.000 đồng; ngày 21/12/2020 chuyển khoản cho bà L 25.000.000 đồng. Tổng 04 lần chuyển là 58.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị L cho rằng số tiền này là do ông Phan Văn X chuyển để trả nợ cho bà nhưng bà không cung cấp được cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp, do vậy có căn cứ xác định ông Phan Văn X khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị L trả số tiền 58.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền 72.000.000 đồng ông Phan Văn X cho bà Bùi Thị L vay không có chữ ký của bà L, quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị L không thừa nhận, mặt khác ông Phan Văn X không cung cấp được các căn cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn X.

Từ những đánh giá nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X, cần buộc bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn X số tiền 58.000.000đ 000đ (Năm mươi tám triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi xuất: Ông Phan Văn X không yêu cầu, do đó không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, nhưng nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X. Buộc bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn X số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2/ Về án phí:

Ông Phan Văn X được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn bà Bùi Thị L phải chịu 2.900.000đ (Hai triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Phan Văn X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà